TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22/11/2018
"V/v *tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị N và anh M*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Đương

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Huệ -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2018/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N sinh năm 1997
ĐKHKTT: Thôn VT, xã AD, huyện Q, tỉnh Thái Binh
Nơi ở: Thôn TX, xã AM, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn VT, xã AD, huyện Q, tỉnh Thái Binh

(*Tại phiên tòa có mặt các đương sự)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AD vào ngày 16/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, chị không hợp lối sống gia đình anh M. Tháng 7/2018 mâu thuẫn căng thẳng chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn TX, xã AM sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn chị xin ly hôn anh M.

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh Tsinh ngày 17/10/2014 hiện đang ở với anh M, ly hôn chị để anh M trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị nhận trách nhiệm cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh xác nhận lời khai của chị N về thời gian điều kiện và hoàn cảnh kết hôn. Anh cho rằng từ tháng 6/2018 chị N bị ốm nên tính tình thay đổi, dẫn đến việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Tháng 7/2018 chị N bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, do anh vẫn còn tình cảm với chị N, anh muốn chị N suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận, tiến bộ.

Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị N đã khai là đúng, nếu ly hôn xảy ra anh nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Sau khi được Tòa án hòa giải anh nhất trí mức cấp dưỡng cho con của chị N 1.000.000 đồng/tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn M; giao con chung Nguyễn Anh Tsinh ngày 17/10/2014 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có trách nhiệm cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; vợ chồng không có tài sản chung , không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: chị Phạm Thị N khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn M, do anh M là bị đơn cư trú tại thôn VT, xã AD, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện Q, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn M xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã AD, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp đăng ký kết hôn số 22 ngày 14/10/2014 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhâm mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm cho nhau, chị N không hợp với lối sống của gia đình anh M, từ tháng 07/2018 chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh M không nhất trí ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh M không tích cực tìm ra biện pháp có hiệu quả để cải thiện quan hệ vợ chồng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, cả anh M và chị N đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, mặt khác trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến nay vợ chồng vẫn tiếp tục ly thân, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh M đã trầm trọng, mục đích cuộc hôn nhân giữa anh chị không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị N và anh M có 01 con chung là Nguyễn Anh Tsinh ngày 17/10/2014 hiện đang ở với anh M, chị N và anh M đều thống nhất để anh M trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về mức cấp dưỡng cho con: tại bản tự khai của chị N thể hiện chị N chỉ có khả năng cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng còn tại bản tự khai anh M để nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi hòa giải chị N và anh M thống nhất chị N cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng. Mức cấp dưỡng này là phù hợp với khả năng của chị N vì hiện tại chị N đang đi học nghề làm đầu, uốn sấy tóc nên chưa có thu nhập ổn định. Do đó cần giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 11/2018 là phù hợp với điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3.]Về tài sản chung: chị N và anh M đều khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1.Về hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn M

2.Về con chung: giao con chung Nguyễn Anh Tsinh ngày 17/10/2014 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có trách nhiệm cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng (*Một triệu đồng một tháng*), thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng cho con. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003772 ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí, chị N còn phải nộp tiếp 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Q;
- UBND xã AD, h.Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Phạm Thị Duyên
(đã ký)